

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tên chương trình (tiếng Việt): **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Tên chương trình (tiếng Anh): **Business Administration**

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Mã ngành: 9340101

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Quản trị kinh doanh

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2022

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tên chương trình (tiếng Việt): **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Tên chương trình (tiếng Anh): **Business Administration**

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Mã ngành: 9340101

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Quản trị kinh doanh

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: *103a/QĐ-DCT* ngày *05* tháng *05* năm *2022*
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): **Business Administration**

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã ngành đào tạo: 9340101

Khối ngành: III- Kinh doanh và quản lý

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ Tiến sĩ được xây dựng theo định hướng đăng ký đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) ban hành.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo ra những tiến sĩ có trình độ chuyên môn sâu về quản trị kinh doanh, có khả năng tự thực hiện nghiên cứu khoa học cũng như khả năng tham gia cộng tác nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến quản trị kinh doanh, có kỹ năng tư duy sáng tạo, có kỹ năng tiếp cận, giải quyết và tư vấn các vấn đề thực tiễn và lý thuyết thuộc chuyên ngành và liên ngành, có khả năng tham gia đào tạo đại học và sau đại học thuộc các lĩnh vực liên quan, đồng thời có năng lực quản lý và lãnh đạo nhóm.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

a. Kiến thức

Cung cấp cho nghiên cứu sinh các kiến thức học thuật tiên tiến chuyên sâu giúp nâng cao năng lực phát hiện được các vấn đề nghiên cứu mới phát sinh từ thực tiễn và lý thuyết trong lĩnh vực liên quan đến quản trị kinh doanh trong và ngoài nước; kiến thức chuyên môn này sẽ được nghiên cứu sinh vận dụng vào việc đào tạo đại học và sau đại học cũng như vào việc quản lý và vận hành các hoạt động kinh doanh.

b. Kỹ năng

Trang bị cho nghiên cứu sinh kỹ năng phát hiện và phân tích các vấn đề phức tạp; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; kỹ năng tổng hợp ý kiến tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề phức tạp; kỹ năng tổ chức thực hiện được các nghiên cứu một cách độc lập cũng như kỹ năng tham gia cộng tác nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh dưới dạng các đề tài nghiên cứu, bài báo và tham luận khoa học.

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Giúp nghiên cứu sinh phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm trong nghiên cứu, phát triển tri thức và nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần tự học hỏi, tự nghiên cứu; nâng cao năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; phát triển khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập; nâng cao năng lực thực hiện hoạt động tư vấn các vấn đề thực tiễn và lý thuyết thuộc các lĩnh vực liên quan đến quản trị kinh doanh.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

2.1. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Phân tích và tổng hợp các kiến thức tiên tiến và chuyên sâu về khoa học quản trị kinh doanh.	5
PLO2	Vận dụng sáng tạo kiến thức cốt lõi và nền tảng thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh trong việc đánh giá, so sánh và luận giải cơ cấu vận hành của hệ thống quản trị trong doanh nghiệp và tổ chức.	5
PLO3	Phân tích và vận dụng thành thạo các lý thuyết nền tảng về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực liên quan cùng với phương pháp nghiên cứu khoa học vào nghiên cứu khoa học và giảng dạy trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và các lĩnh vực liên quan.	4
PLO4	Tổng hợp và vận dụng hiệu quả các lý thuyết chuyên sâu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực liên quan vào quản trị doanh nghiệp và tổ chức hiện đại.	5
b	Kỹ năng	
PLO5	Có kỹ năng tổng hợp và đánh giá thành thạo các vấn đề khoa học liên quan để làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công	5

	cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	
PLO6	Kết hợp thành thạo các kỹ năng tổng hợp và cập nhật để làm giàu và bổ sung tri thức mới về quản trị kinh doanh.	5
PLO7	Phát hiện, phân tích, tổng hợp và giải quyết thuần thục được các vấn đề phức tạp trong thực tiễn quản trị kinh doanh một cách sáng tạo và độc đáo.	4
PLO8	Kết hợp thành thạo các kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn quản lý, và điều hành trong quá trình sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.	5
PLO9	Thành thạo kỹ năng viết các báo cáo khoa học, tham luận khoa học và bài báo khoa học chuyên ngành để trình tại các hội thảo và đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế.	4
c	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PLO10	Chủ động phát hiện, giải quyết vấn đề phát sinh, đúc kết thành những nguyên tắc mới/ tri thức mới trong quá trình giải quyết công việc và đưa ra được những sáng kiến mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	5
PLO11	Áp dụng thuần thục các kỹ năng để đưa ra các ý tưởng và kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp khác nhau theo các vấn đề phát sinh trong thực tế liên quan đến quản trị kinh doanh.	4
PLO12	Kết hợp được các kỹ năng sẵn có để thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế, khả năng định hướng và năng lực lãnh đạo trong điều hành tổ chức và doanh nghiệp.	5
PLO13	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu, nền tảng và tiên tiến để đưa ra những đề xuất mang tính chuyên gia với luận cứ vững chắc về khoa học/ thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	4
PLO14	Thiết lập được khả năng quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và tri thức mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	5

2.2. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra

TT	Mã tự quản	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	HK	HP bắt buộc	Nhóm kiến thức	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG								NĂNG LỰC TỰ CHỦ - TRÁCH NHIỆM					
								PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14								
1	13400001	0310101821	Phương pháp nghiên cứu định tính	3	1	x	Chuyên ngành		5				5		4				5						5				
2	13400002	0310101822	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3	1	x	Chuyên ngành		5				5		4				5						5				
3	13400003	0310101823	Năng lực cạnh tranh trong hội nhập quốc tế	3	2		Chuyên ngành	5					5						5										
4	13400004	0310101824	Quản trị công nghệ và đổi mới	3	2		Chuyên ngành				5			5					5				4						
5	13400005	0310101825	Kiểm soát quản trị	3	2		Chuyên ngành			4													4						
6	13400006	0310101826	Kinh tế quản lý	3	2		Chuyên ngành	5		4												4							
7	13400007	0310101827	Quản trị tri thức	3	2		Chuyên ngành				5		5						5				4						
8	13407008	0310101828	Chuyên đề 1	6	2	x	Chuyên đề TS		5				5												5				
9	13407009	0310101829	Chuyên đề 2	6	3	x	Chuyên đề TS	5	5							5					4				5				
10	134070010	0310101830	Chuyên đề 3	6	4	x	Chuyên đề TS	5	5						4	5	4	5	5	4	4				5				
11	134060011	0310101831	Luận án tiến sĩ	60	5,6	x	Luận án TS				5						4				4								
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								4	5	2	3	4	2	3	3	4	6	5	2		3		5	5					

3. Khối lượng học tập

Nội dung đào tạo	NCS đã có bằng thạc sĩ ngành phù hợp		NCS chỉ có bằng đại học ngành phù hợp	Thời gian thực hiện
	Đúng ngành	Khác		
<i>I. Các học phần bổ sung</i>		<i>10-16</i>	<i>30</i>	
1. Các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng			30	Trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ
2. Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng		10-16		
<i>II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ</i>	<i>30</i>	<i>30</i>	<i>30</i>	
Các học phần chuyên ngành và chuyên sâu bắt buộc, tự chọn	12	12	12	Trong 12 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ
Chuyên đề 1	6	6	6	Trong 18 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ
Chuyên đề 2	6	6	6	Trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ
Chuyên đề 3	6	6	6	
<i>III. Luận án tiến sĩ</i>	<i>60</i>	<i>60</i>	<i>60</i>	Trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ
Tổng số tín chỉ (II+III)	90	90	120	

4. Thời gian đào tạo:

Thời gian thiết kế:

- 03 năm với NCS có bằng thạc sĩ.
- 04 năm với NCS chưa có bằng thạc sĩ.

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo tối đa bao gồm thời gian thiết kế và thời gian được phép kéo dài quy định trong quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 277/QĐ-DCT ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh).

5. Văn bằng tốt nghiệp: Tiến sĩ

6. Chuẩn đầu vào

6.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp; hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào của CTĐT tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

e) Có thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

6.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ trong thời gian còn hiệu lực của chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ GD&ĐT công bố.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các CTĐT trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Hiệu trưởng quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong CTĐT trình độ tiến sĩ. Người dự tuyển phải đáp ứng các yêu cầu về trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực ngoại ngữ, kinh nghiệm công tác và những yêu cầu khác đối với người dự tuyển tùy theo đặc điểm của từng lĩnh vực, ngành đào tạo và CTĐT cụ thể của Trường trên cơ sở những yêu cầu tối thiểu quy định tại Điều này.

7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập:

Theo Quy chế Đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 2474/QĐ-DCT ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh).

8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

(1) Theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 277/QĐ-DCT ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh);

(2) Công bố tối thiểu 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học uy tín, có phản biện, được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, trong đó tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus hoặc 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích quốc gia, quốc tế. Các công bố phải do NCS là tác giả chính và phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án. Nội dung các bài báo không được trùng lặp. Các bài báo, sáng chế/giải pháp hữu ích là kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải đứng tên của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM và sử dụng email của Trường (@hufi.edu.vn).

(3) Nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp sẽ có đủ năng lực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như có khả năng chủ trì các nhiệm vụ và đề tài nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực liên quan quản trị kinh doanh.

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp là nguồn nhân lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học chính trong lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo đại học, các trung tâm, các viện và các cơ sở nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp cũng có thể là nhà tư vấn chuyên nghiệp hoặc nhà lãnh đạo trong các tổ chức kinh doanh và các đơn vị khác trong và ngoài nước.

10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Tiếp tục thực hiện các nghiên cứu sâu hoặc Nghiên cứu Sau Tiến sĩ.

11. Nội dung chương trình đào tạo

a. Các học phần bổ sung kiến thức đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học ngành/ chuyên ngành phù hợp Quản trị kinh doanh

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))	Học kỳ
I. Kiến thức chung thạc sĩ				4		
1	0310100409	11100012	Triết học <i>Philosophy</i>	4		1
II. Kiến thức chuyên ngành thạc sĩ				14		
Kiến thức chuyên ngành thạc sĩ bắt buộc				8		
1	0310101546	13100001	Kinh tế học nâng cao <i>Advanced economics</i>	2		1
2	0310101547	13100002	Lý thuyết quản trị hiện đại <i>Modern management theories</i>	2		1
3	0310101902	13100003	Khoa học lãnh đạo <i>Leadership Science</i>	2		1
4	0310101903	13100004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh <i>Practical methods for business research</i>	2		1
Kiến thức chuyên ngành thạc sĩ tự chọn				6		
1	0310101904	13100005	Kinh tế phát triển <i>Development economics</i>	2		1/2
2	0310101905	13100006	Kinh tế quốc tế <i>International economics</i>	2		1/2
3	0310101906	11100010	Luật thương mại quốc tế <i>International commercial law</i>	2		1/2
4	0310101907	11100009	Luật kinh doanh Việt Nam <i>Vietnamese business law</i>	2		1/2
5	0310101908	13100007	Văn hoá doanh nghiệp <i>Corporate culture</i>	2		1/2
6	0310101909	13100008	Quản trị đa văn hoá <i>Multicultural management</i>	2		1/2

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))	Học kỳ
III. Kiến thức chuyên sâu thạc sĩ				12		
Kiến thức chuyên sâu thạc sĩ bắt buộc				10		
1	0310101910	13100009	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao <i>Advanced human resource management</i>	2		2
2	0310101911	13100010	Quản trị và ra quyết định tài chính <i>Financial decision-making and management</i>	2		2
3	0310101912	13100011	Quản trị sản xuất và dịch vụ <i>Production and service management</i>	2		2
4	0310101913	13100012	Quản trị marketing hiện đại <i>Modern marketing management</i>	2		2
5	0310101914	13100013	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced strategic management</i>	2		2
Kiến thức chuyên sâu thạc sĩ tự chọn				2		
1	0310101915	13102014	Thẩm định dự án đầu tư <i>Appraisal of investment projects</i>	2		2
2	0310101916	13102015	Đầu tư quốc tế <i>International investment</i>	2		2
Tổng				30		

b. Các học phần bổ sung kiến thức đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành/ chuyên ngành gần Quản trị kinh doanh

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))	Học kỳ
1	0310101546	13100001	Kinh tế học nâng cao <i>Advanced economics</i>	2		1
2	0310101547	13100002	Lý thuyết quản trị hiện đại <i>Modern management theories</i>	2		1
3	0310101902	13100003	Khoa học lãnh đạo <i>Leadership Science</i>	2		1
4	0310101910	13100009	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao <i>Advanced human resource management</i>	2		2
5	0310101911	13100010	Quản trị và ra quyết định tài chính <i>Financial decision-making and management</i>	2		2
6	0310101912	13100011	Quản trị sản xuất và dịch vụ <i>Production and service management</i>	2		2
7	0310101913	13100012	Quản trị marketing hiện đại <i>Modern marketing management</i>	2		2
8	0310101914	13100013	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced strategic management</i>	2		2
			Tổng	16		

(* Có xét miễn giảm cho người dự tuyển đã học các môn học với khối lượng kiến thức tương đương)

c. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành/ chuyên ngành gần hoặc phù hợp Quản trị kinh doanh do các cơ sở nước ngoài đào tạo mà trong chương trình không có học phần Triết học thì phải học bổ sung học phần Triết học như đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học trên đây.

d. Khung chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))	Học kỳ
I. Kiến thức chuyên ngành				12		
Kiến thức chuyên ngành bắt buộc				6		
1	0310101821	13400001	Phương pháp nghiên cứu định tính <i>Qualitative research method</i>	3		1
2	0310101822	13400002	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research method</i>	3		1
Kiến thức chuyên ngành tự chọn				6		
1	0310101823	13400003	Năng lực cạnh tranh trong hội nhập quốc tế <i>Internationalizational competitiveness</i>	3		2
2	0310101824	13400004	Quản trị công nghệ và đổi mới <i>Technology and innovation management</i>	3		2
3	0310101825	13400005	Kiểm soát quản trị <i>Control of business administration</i>	3		2
4	0310101826	13400006	Kinh tế quản lý <i>Managerial economics</i>	3		2
5	0310101827	13400007	Quản trị tri thức <i>Knowledge management</i>	3		2
II. Các chuyên đề tiến sĩ				18		
1	0310101828	13407008	Chuyên đề 1 <i>Research topic 1</i>	6		2
2	0310101829	13407009	Chuyên đề 2 <i>Research topic 2</i>	6		3
3	0310101830	134070010	Chuyên đề 3 <i>Research topic 3</i>	6		4
III. Luận án tiến sĩ				60		
1	0310101831	134060011	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	60		5, 6
Tổng				90		

12. Kế hoạch đào tạo

a. Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 6 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1	0310101821	13400001	Phương pháp nghiên cứu định tính <i>Qualitative research method</i>	3	
2	0310101822	13400002	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research method</i>	3	
Học kỳ 2: 12 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1	0310101828	13407008	Chuyên đề 1 <i>Research topic 1</i> (CP16)	6	
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần)					
1	0310101823	13400003	Năng lực cạnh tranh trong hội nhập quốc tế <i>Internationalizational competetiveness</i>	3	
2	0310101824	13400004	Quản trị công nghệ và đổi mới <i>Technology and innovation management</i>	3	
3	0310101825	13400005	Kiểm soát quản trị <i>Control of business administration</i>	3	
4	0310101826	13400006	Kinh tế quản lý <i>Managerial economics</i>	3	
5	0310101827	13400007	Quản trị tri thức <i>Knowledge management</i>	3	
Học kỳ 3: 6 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1	0310101829	13407009	Chuyên đề 2 <i>Research topic 2</i> (CP17)	6	
Học kỳ 4: 6 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1	0310101830	134070010	Chuyên đề 3 <i>Research topic 3</i> (CP22)	6	
Học kỳ 5, 6: 60 tín chỉ					

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần -	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0310101831	134060011	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	60	

b. Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 14 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1	0310100409	11100012	Triết học <i>Philosophy</i>	4	
2	0310101546	13100001	Kinh tế học nâng cao <i>Advanced economics</i>	2	
3	0310101547	13100002	Lý thuyết quản trị hiện đại <i>Modern management theories</i>	2	
4	0310101902	13100003	Khoa học lãnh đạo <i>Leadership Science</i>	2	
5	0310101903	13100004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh <i>Practical methods for business research</i>	2	
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 6 học phần)					
1	0310101904	13100005	Kinh tế phát triển <i>Development economics</i>	2	
2	0310101905	13100006	Kinh tế quốc tế <i>International economics</i>	2	
3	0310101906	11100010	Luật thương mại quốc tế <i>International commercial law</i>	2	
4	0310101907	11100009	Luật kinh doanh Việt Nam <i>Vietnamese business law</i>	2	
5	0310101908	13100007	Văn hoá doanh nghiệp <i>Corporate culture</i>	2	
6	0310101909	13100008	Quản trị đa văn hoá <i>Multicultural management</i>	2	
Học kỳ 2: 16 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1	0310101910	13100009	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2	

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
			<i>Advanced human resource management</i>		
2	0310101911	13100010	Quản trị và ra quyết định tài chính <i>Financial decision-making and management</i>	2	
3	0310101912	13100011	Quản trị sản xuất và dịch vụ <i>Production and service management</i>	2	
4	0310101913	13100012	Quản trị marketing hiện đại <i>Modern marketing management</i>	2	
5	0310101914	13100013	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced strategic management</i>	2	
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần)					
1	0310101904	13100005	Kinh tế phát triển <i>Development economics</i>	2	
2	0310101905	13100006	Kinh tế quốc tế <i>International economics</i>	2	
3	0310101906	11100010	Luật thương mại quốc tế <i>International commercial law</i>	2	
4	0310101907	11100009	Luật kinh doanh Việt Nam <i>Vietnamese business law</i>	2	
5	0310101908	13100007	Văn hoá doanh nghiệp <i>Corporate culture</i>	2	
6	0310101909	13100008	Quản trị đa văn hoá <i>Multicultural management</i>	2	
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)					
1	0310101915	13102014	Thẩm định dự án đầu tư <i>Appraisal of investment projects</i>	2	
2	0310101916	13102015	Đầu tư quốc tế <i>International investment</i>	2	
Học kỳ 3: 6 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1	0310101821	13400001	Phương pháp nghiên cứu định tính <i>Qualitative research method</i>	3	
2	0310101822	13400002	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research method</i>	3	
Học kỳ 4: 12 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0310101828	13407008	Chuyên đề 1 <i>Research topic 1</i>	6	
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần)					
1	0310101823	13400003	Năng lực cạnh tranh trong hội nhập quốc tế <i>Internationalizational competetiveness</i>	3	
2	0310101824	13400004	Quản trị công nghệ và đổi mới <i>Technology and innovation management</i>	3	
3	0310101825	13400005	Kiểm soát quản trị <i>Control of business administration</i>	3	
4	0310101826	13400006	Kinh tế quản lý <i>Managerial economics</i>	3	
5	0310101827	13400007	Quản trị tri thức <i>Knowledge management</i>	3	
Học kỳ 5: 6 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1	0310101829	13407009	Chuyên đề 2 <i>Research topic 2</i>	6	
Học kỳ 6: 6 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1	0310101830	134070010	Chuyên đề 3 <i>Research topic 3</i>	6	
Học kỳ 7, 8: 60 tín chỉ					
1	0310101831	134060011	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	60	

13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo

Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện đúng, đủ theo Kế hoạch kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo đã được phê duyệt phù hợp với Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Đối với các Khoa đào tạo, Bộ môn

- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương học phần cho giảng viên để triển khai kế hoạch giảng dạy;

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn người học đăng ký các học phần;

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn;

- Kiểm tra, giám sát công tác giảng dạy của giảng viên theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành và đảm bảo các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

14.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương của học phần để chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho người học để người học chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học theo triết lý giáo dục ‘Học tập chủ động, làm việc sáng tạo’, thực hiện đúng các phương pháp kiểm tra, đánh giá quy định trong đề cương học phần;

- Rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của bản thân và tích cực tham gia vào hoạt động đổi mới phương pháp dạy học theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14.3. Đối với người học

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập/ giảng viên chủ nhiệm để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ;

- Phải nghiên cứu đề cương học phần, giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi đến lớp để tiếp thu bài giảng được tốt nhất;

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn hoặc bài giảng của giảng viên;

- Phát huy tính tự chủ, tinh thần tự học, tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các hoạt động thảo luận, seminar, thực hành;

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp;
- Thực hiện nghiêm túc Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá.

15. Phê duyệt chương trình đào tạo

TP. HCM, ngày tháng năm 20

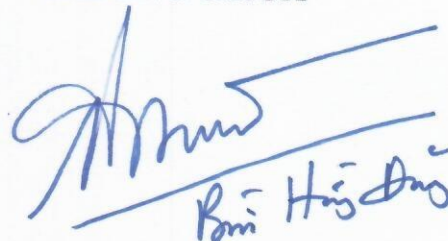
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH



GS.TS Võ Xuân Vinh

TP. HCM, ngày tháng năm 20

TRƯỞNG KHOA



TP. HCM, ngày tháng năm 20

HIỆU TRƯỞNG



MỤC LỤC

1. Mục tiêu đào tạo	1
2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	2
3. Khối lượng học tập	5
4. Thời gian đào tạo:.....	5
5. Văn bằng tốt nghiệp:	6
6. Chuẩn đầu vào	6
7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập:	7
8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:	7
9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:	7
10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:	7
11. Nội dung chương trình đào tạo.....	8
12. Kế hoạch đào tạo	8
13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo	15
14. Hướng dẫn thực hiện	15
15. Phê duyệt chương trình đào tạo.....	17

